TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 460/2020/DS-PT
Ngày: 03/6/2020.
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bích Sơn.
- *Các Thẩm phán* Ông Nguyễn Minh Hiếu;
Ông Đào Quốc Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Danh Đời – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27/5/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai và tuyên án vào ngày 03/6/2020 vụ án dân sự thụ lý số 649/2019/TLPT-DS ngày 24/12/2019 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 513/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2293/2020/QĐ-PT ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Xuân H**, sinh năm 1962, (có mặt).

Địa chỉ: 178 đường Trần Não, phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*:

+ Bà **Cù Thị B**, sinh năm 1967, (có mặt).

Địa chỉ: 224 Đường số 17, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà **Hà Thúy H**, sinh năm 1959, (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, Ấp 7, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Trung Tưởng, sinh năm 1984; địa chỉ: 91 đường Lê Quyên, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh,

theo Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2018 tại Văn phòng Công chứng Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Đỗ Xuân H - Nguyên đơn; bà Hà Thúy H - Bị đơn.

- *Cơ quan kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Xuân H trình bày: Ngày 17/01/2008, ông H có ký kết Hợp đồng số 01/HĐMBN/2008 với bà Hà Thúy H và bà Cù Thị B về việc mua bán căn nhà số 16, Đường số 19, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (bà H và bà B là đồng sở hữu căn nhà trên) và có giao cho hai bà số tiền 2.000.000.000 đồng. Đến ngày 19/01/2008, ông H nhận và sử dụng căn nhà trên. Sau đó, ông H yêu cầu bà B và bà H ra ký công chứng hợp đồng mua bán để ông H thực hiện thủ tục đăng bộ sang tên nhưng bà B, bà H lần lượt thay phiên trì hoãn, không ra ký công chứng. Sau đó, ngày 01/5/2009, bà B và bà H có ký cam kết với nội dung "Khi nào ông H có yêu cầu thì bà B, bà H cùng đến văn phòng công chứng thực hiện việc mua bán căn nhà trên". Tuy nhiên, sau đó chỉ có bà B đồng ý ra ký công chứng, còn bà H thì cố tình lẫn tránh, không thực hiện. Đến năm 2010, ông H nhận được thông báo của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết là căn nhà ông H đang lưu cư đã bị kê biên, đấu giá phát mãi để thi hành án trong vụ án khác. Do đó, ông H khởi kiện bà B và bà H yêu cầu hoàn trả số tiền đã nhận là 2.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Ngày 26/9/2019, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc bà H và bà B bồi thường thiệt hại chênh lệch giá nhà là 2.280.000.000 đồng. Sau đó, nguyên rút yêu cầu khởi kiện bổ sung, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà B, chỉ còn lại yêu cầu bà H trả số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm tính đến ngày 26/9/2019, số tiền lãi là 1.057.650.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 27/9/2019 trên số tiền nợ gốc theo lãi suất ngân hàng nhà nước tương ứng với thời điểm chưa thanh toán hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn bà Cù Thị B trình bày: bà B và bà H là đồng sở hữu đối với căn nhà và đất tại địa chỉ số 16, Đường số 19, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và có mối quan hệ quen biết với ông Đỗ Xuân H. bà B, bà H thống nhất bán nhà chia tiền, biết ông H đang cần mua nhà nhưng không đủ tiền nên hai bà đồng ý dùng tài sản là căn nhà trên để bảo lãnh cho Công ty của ông H vay tiền. Ngày 15/01/2008, bà H, bà B và ông H cùng đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn

tại huyện Củ Chi (Ngân hàng) làm thủ tục giúp ông H vay số tiền là 1.640.000.000 đồng. Ngày 17/01/2008, Ngân hàng giải ngân cho ông H số tiền 1.640.000.000 đồng, sau đó bà H, bà B và ông H cùng về Công ty của ông H để ký hợp đồng mua bán căn nhà nêu trên. Tại đây, ông H đã giao đủ số tiền là 2.000.000.000 đồng cho hai bà (bà B và bà H mỗi người nhận 1.000.000.000 đồng). Ngày 19/01/2008, hai bà bàn giao nhà cho ông H sử dụng. Sau khi ông H thanh toán hết nợ tại Ngân hàng thì tiến hành làm thủ tục trước bạ sang tên tại văn phòng công chứng. Tuy nhiên, bà B đồng ý ký công chứng sang tên nhưng bà H thì cố tình lánh mặt không ra ký công chứng hợp đồng và kéo dài thời gian đến năm 2010 thì căn nhà trên bị phát mãi thi hành án. Hiện bà B đã trả ông H số tiền 1.000.000.000 đồng nên ông H rút yêu cầu khởi kiện đối với bà. bà B yêu cầu bà H có trách nhiệm hoàn trả ông H số tiền còn lại là 1.000.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của ông Đỗ Xuân H.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn bà Hà Thúy H - có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trung Tưởng trình bày: bà H và bà B có quan hệ làm ăn chung và là bạn với nhau nên đồng sở hữu căn nhà số 16, Đường số 19, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Biết ông H đang cần vay tiền nên ngày 15/01/2008, bà H, bà B thống nhất thế chấp căn nhà trên để đảm bảo cho công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất - Xây dựng - Thương mại Cường Thịnh do ông H làm Giám đốc vay Ngân hàng số tiền 1.640.000.000 đồng theo Hợp đồng dụng tín dụng số 013/08-HĐTC. Để làm tin và giúp ông H thuyết phục bạn bè hùn vốn vào Công ty, ngày 17/01/2008 bà H và bà B đồng ý ký Hợp đồng mua bán căn nhà nêu trên với ông H. Do ông H và bà B có quan hệ tình cảm nên hai bà để ông H vào ở tại căn nhà trên, thực chất bà H không có nhận tiền bán nhà từ ông H. Năm 2010, Chi cục thi hành án dân sự Quận 8 kê biên căn nhà nêu trên để đảm bảo thi hành án. Trong thời gian này, bà B và ông H thông đồng ghi thêm dòng chữ "*Đã nhận đủ 2 tỷ đồng*" vào Hợp đồng mua bán nhà ngày 17/01/2008 với mục đích cản trở việc thi hành án đối với căn nhà trên nhưng không thành. Sau đó, ông H tiếp tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 10 và hồ sơ được chuyển đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết đến nay. Chữ viết "*Đã nhận đủ 2 tỷ đồng*" được ghi vào Hợp đồng mua bán nhà của ông H là do bà B ghi trên bản Hợp đồng mà ông H đang giữ, đối với bản Hợp đồng của bà H đang giữ thì không có dòng chucwx này, thực tế bà H hoàn toàn không có nhận tiền của ông H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 513/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Xuân H, buộc

bà Hà Thúy H phải trả cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất số tiền 1.057.650.000 (một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/11/2019, nguyên đơn ông Đỗ Xuân H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm.

Ngày 18/11/2019, bị đơn bà Hà Thúy H kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Ngày 22/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-KNPT-DS.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- *Nguyên đơn ông Đỗ Xuân H trình bày*: ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thúy H, sửa bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Hà Thúy H ngoài việc trả cho ông số tiền gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên thì còn phải trả cho ông số tiền lãi 1.057.650.000 (một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng; đồng thời xem xét sửa về phần án phí sơ thẩm của ông.

- *Bị đơn bà Cù Thị B trình bày*: Bà và bà Hà Thúy H là đồng sở hữu căn nhà và đất tại địa chỉ số 16, Đường số 19, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, hai bà đã thống nhất ký bán cho ông Đỗ Xuân H, tuy nhiên sau khi nhận phần tiền của mình (1.000.000.000 đồng) bà H lại không thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông H cũng như không đồng ý hoàn trả lại số tiền đã nhận của ông H. bà H thống nhất với ý kiến của nguyên đơn ông Đỗ Xuân H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hà Thúy H.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hà Thúy H trình bày*: Bản chất của việc ký kết Hợp đồng mua bán nhà nêu trên là thủ tục hợp thức hóa để bà B, bà H hỗ trợ cho Công ty của ông H vay tiền ngân hàng và tạo niềm tin để bạn bè của ông H hùn vốn làm ăn chứ hoàn toàn không có việc bà H nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của ông H như lời trình bày của ông H, bà B; còn việc bà B có nhận tiền hay không và ký nhận tiền của ông H bao nhiêu, như thế nào thì bà H không biết. Do bà B và ông H có quan hệ tình cảm với nhau nên trong thời gian mẫu thuẫn với bà H thì bà B và ông H tự ghi vào Hợp đồng mua bán (bản ông H

lưu giữ) dòng chữ "*Đã nhận đủ 2 tỷ đồng*", bà H hoàn toàn không biết việc này. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà B cũng đã thừa nhận dòng chữ đó là do bà B viết ra. bà B và ông H cho rằng bà H đã nhận tiền bán nhà 1.000.000.000 đồng nhưng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc giao nhận tiền giữa hai bên. Trên cơ sở tài liệu trong hồ sơ thể hiện, chính bà B là người đã nhận tiền 2.000.000.000 đồng của ông H, do đó bà B là người có trách nhiệm hoàn trả lại tiền cho ông H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án của Tòa án cấp sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Hà Thúy H trả số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày nội dung kháng nghị*: Vẫn giữ nguyên nội dung theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-KNPT-DS ngày 22/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:

+ Về tố tụng: Trong suốt quá trình từ thụ lý đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định.

+ Về nội dung: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện có việc bà Cù Thị B và bà Hà Thúy H ký hợp đồng bán căn nhà tại địa chỉ số 16, Đường số 19, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đỗ Xuân H và có ký nhận tiền mua bán nhà là 2.000.000.000 đồng, ghi rõ trên Hợp đồng mua bán. Đồng thời, sau đó hai bà đều có ký Giấy cam kết về việc sẽ ra ký hợp đồng công chứng khi ông H yêu cầu, nhưng chỉ có bà B chịu ra ký công chứng còn bà H không đồng ý thực hiện. Căn nhà trên sau đó bị Cơ quan thi hành án dân sự Quận 8 phát mãi để thi hành án trong vụ án khác. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu bà B, bà H trả lại số tiền mua bán đã nhận là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H đã rút yêu cầu khởi kiện đối với bà B nên chỉ còn yêu cầu đối với bà H. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã không đình chỉ đối với yêu cầu này là không đúng quy định. Mặt khác, đối với yêu cầu về việc tính lãi suất, trong quá trình giải quyết vụ án đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về thời hiệu đối với yêu cầu này nhưng phần nhận định của bản án sơ thẩm xác định yêu cầu này đã quá thời hiệu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án lại tuyên không chấp nhận yêu cầu về lãi suất và buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận này là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều có mặt tại phiên tòa sơ thẩm và nộp đơn kháng cáo, Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn quy định. Do đó, việc kháng cáo trên của nguyên đơn và bị đơn còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

Vụ án được xét xử sơ thẩm và tuyên án ngày 08/11/2019, đến ngày 22/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-KNPT-DS kháng nghị đối với bản án nêu trên. Do đó, việc kháng nghị còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận về hình thức.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu bà Hà Thúy H trả lại tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 17/01/2008 đến 26/9/2019 là 1.057.650.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do đã hết thời hiệu nên không xem xét giải quyết là có căn cứ. Do đó, nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Xuân H đối với phần yêu cầu về lãi suất là không có sơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện đương sự không có đơn yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét là chưa đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên sai sót này cần rút kinh nghiệm.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn do đã hết thời hiệu nên không xem xét, tuy nhiên tại phần quyết định của bản án lại tuyên không chấp nhận đối với yêu cầu này của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, nội dung kháng cáo của ông về yêu cầu xem xét sửa đối với án phí dân sự sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cần sửa bản án sơ thẩm, tuyên đình chỉ đối với yêu cầu về lãi suất nêu trên của nguyên đơn và xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hà Thúy H, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Hợp đồng mua bán (giấy tay) giữa bà B, bà H với ông H về việc mua bán căn nhà tại địa chỉ: Số 16, Đường số 19, Phường 4 Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được ký ngày 17/01/2008. Tuy nhiên, theo lời trình bày của các bên và tài liệu trong hồ sơ thể hiện, căn nhà trên trước đó đã được bà B, bà H dùng làm tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay 1.640.000.000 đồng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Xây dựng và Thương mại Cường Thịnh (do ông Đỗ Xuân H làm đại diện theo pháp luật) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 013/08-HĐTC ngày 15/01/2008.

- Nội dung của Hợp đồng mua bán ngày 17/01/2008 nêu trên có quy định "*Hợp đồng được lập thành 03 bản, mỗi người lưu giữ một bản chính, có giá trị pháp lý như nhau*". Quy định này đồng nghĩa rằng, tất cả những nội dung, những thỏa thuận của hợp đồng đều phải được thống nhất và thể hiện như nhau trên 03 bản chính. Tuy nhiên, chỉ duy nhất bản chính Hợp đồng mua bán do ông H đang lưu giữ là có ghi dòng chữ "*Đã nhận đủ 2 tỷ đồng*" và bà Cù Thị B thừa nhận dòng chữ này là do bà B ghi vào.

- Ngày 01/02/2008, bà Cù Thị B có ghi Giấy cam kết cho ông H với nội dung "*Đã nhận đủ tiền bán nhà của ông H, từ ngày 01/02/2009 ông H yêu cầu thực hiện hợp đồng mua bán nhà tại văn phòng công chứng thì bà B sẵng sàng thực hiện".* bà H khai rằng việc bà B lập Giấy cam kết trên khi nào, nội dung thế nào bà H không biết; còn đối với bà H, do để tạo niềm tin cho bạn bè của ông H hùn vốn làm ăn với Công ty của ông H nên ông H có nhờ bà H làm Giấy cam kết cho ông H với nội dung *"Kể từ ngày 01/5/2009 đến ngày 30/12/2009, khi ông H có yêu cầu thì bà H đến văn phòng công chứng thực hiện ký hợp đồng mua bán nhà ở*". Người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng: bà H, bà B ký Hợp đồng mua bán tay ngày 17/01/2008 và Giấy cam kết cho ông H là giả cách để nhằm tạo niềm tin cho ông H huy động vốn từ những bạn bè của ông cho Công ty của ông H chứ thực tế không có việc mua bán và giao nhận tiền với ông H. Do bà H và bà B thân, bà B thì có tình cảm với ông H nên bà H ngoài việc hỗ trợ nêu trên còn cho ông H mượn tiền

làm ăn, cụ thể trong hồ sơ có tài liệu là Giấy vay tiền mà ông H từng vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng.

Theo các dữ kiện trên, xét thấy tại thời điểm ký kết Hợp đồng mua bán (giấy tay), căn nhà và đất trên đã được bà H, bà B thế chấp tại Ngân hàng, do đó đây được xem là tài sản của Ngân hàng nên việc các bên lấy tài sản này để thực hiện giao dịch mua bán là không đúng quy định. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà H có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng của ông và hai bên có thực hiện việc giao nhận tài sản mua bán. Hợp đồng được các bên lập thành 03 bản chính như nhau nhưng chỉ có một bản Hợp đồng do ông H đang giữ là có ghi dòng chữ "*Đã nhận đủ 2 tỷ đồng*". Đồng thời, tại Giấy cam kết mà bà H, bà B làm cho ông H thì chỉ có Giấy cam kết của bà B là có ghi nội dung "*Đã nhận đủ tiền bán nhà của ông H...*", riêng Giấy cam kết của bà H thì không có ghi nội dung về việc đã nhận tiền.

Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hà Thúy H là có cơ sở nên kháng cáo được chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đỗ Xuân H đã rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với bà Cù Thị B nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu này là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Như đã phân tích tại Mục [2.1], việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là không đúng quy định.

Do đó, các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Cù Thị B về việc buộc bà B trả số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này và nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Do yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất đối với số tiền 1.057.650.000 (một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng bị đình chỉ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Do yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Hà Thúy H hoàn trả số tiền 1.000.000.000 đồng không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Xuân H.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hà Thúy H.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 513/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Xuân H đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Cù Thị B trả số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Xuân H đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Hà Thúy H trả số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Xuân H đối với yêu cầu buộc bị đơn bà Hà Thúy H trả lãi suất số tiền 1.057.650.000 (một tỷ không trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đỗ Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0040772 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho ông H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả lại cho ông Đỗ Xuân H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001994 ngày 13/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả lại cho bà Hà Thúy H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0025010 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 10, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp, Tp.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Đ-S), 15.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Bích Sơn